

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 149, Điều 361, 370 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 122/2021/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phùng Văn T, sinh năm 1985.
- Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T, kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, vào ngày 14/9/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm, nhưng từ khi chị T sinh con thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng có nhiều ý kiến không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã và thậm chí đánh chửi nhau nên tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh T và chị T đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Phùng

Văn T và chị Nguyễn Phương T làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T xác định: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu tên là Phùng Khánh H, sinh ngày 09/9/2007; cháu thứ hai tên là Phùng Thị Khánh H, sinh ngày 13/7/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Tuế. Nay anh T và chị T thỏa thuận thống nhất giao cả hai cháu Phùng Khánh H và Phùng Thị Khánh H cho chị T trực tiếp chăm nom, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị T tự thống nhất, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 500.000đ/ cháu (năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 /2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T thống nhất: Vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T thống nhất thỏa thuận, mỗi bên nộp 50% tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T.

- Về con chung: Công nhận cháu Phùng Khánh H, sinh ngày 09/9/2007 và cháu Phùng Thị Khánh H, sinh ngày 13/7/2012 là con chung của anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T. Nay anh, chị thống nhất thỏa thuận, giao cả hai cháu Phùng Khánh H và cháu Phùng Thị Khánh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 500.000đ/ cháu (năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 /2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Phương T thống nhất: mỗi bên chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, số tiền đã nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh T, chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0008353 ngày 01 tháng 9 năm 2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện H
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi